

NGHỆ THUẬT NGOẠI GIAO NGÔ THÌ NHẬM - NỘI DUNG VÀ BÀI HỌC LỊCH SỬ

LƯU ĐÌNH VINH*

Sau chiến thắng năm Kỷ Dậu, vua Quang Trung - Nguyễn Huệ nhận thức được tầm quan trọng của công việc ngoại giao trong việc chấm dứt việc binh đao và đã giao việc này cho Ngô Thì Nhậm - một sĩ phu Bắc Hà đảm nhiệm. Tác phẩm Bang giao hảo thoại của Ngô Thì Nhậm, được hình thành trong quá trình nước ta thực hiện các nhiệm vụ ngoại giao với nhà Thanh (Trung Quốc). Tác phẩm đã cho người đọc thấy được nghệ thuật ngoại giao tài tình nhưng cũng đầy khí phách của một người yêu nước chân chính. Bằng nghệ thuật ngoại giao tài tình, Ngô Thì Nhậm đã chấm dứt ý định trả thù của vua nhà Thanh, đẩy lùi quân lính chín tỉnh vùng biên giới phía Bắc, thỏa mãn những yêu cầu của đất nước lúc bấy giờ. Nghiên cứu nghệ thuật ngoại giao Ngô Thì Nhậm giúp chúng ta rút ra được những bài học quý báu về hoạt động ngoại giao trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới hiện nay.

Từ khóa: tư tưởng Ngô Thì Nhậm, tinh thần hòa hiếu, ngoại giao Việt Nam

Nhận bài ngày: 24/10/2018; *đưa vào biên tập:* 2/11/2018; *phản biện:* 5/01/2019; *duyet đăng:* 20/2/2019

1. DẪN NHẬP

Với vị trí địa lý đặc biệt, Việt Nam luôn nằm dưới sự “dòm ngó” của các thế lực phương Bắc. Tuy nhiên, “từ xưa đến giờ, Trung Hoa chưa bao giờ đắc chí ở cõi Nam cả” (Hoa Bằng, 1998: 220), đó là nhờ sức mạnh quân sự và tinh thần yêu nước, đoàn kết toàn dân chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta. Việc giữ gìn toàn vẹn lãnh thổ qua hơn 1.000 năm đô hộ với những cuộc xâm lược liên miên, cũng một lần nữa khẳng định các giá trị văn hóa - con người, ý chí quật cường, tinh thần

quyết chiến quyết thắng của toàn thể dân tộc. Dân tộc Việt Nam thấu hiểu sự mất mát, đau thương từ hậu quả chiến tranh, từ đó luôn mong muốn và yêu chuộng hòa bình.

Trong những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, với những chiến công rực rỡ và hiển hách quét sạch bóng quân thù ra khỏi bờ cõi, làm cho quân giặc “sợ mất mật”, “tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, xô đẩy nhau rơi xuống mà chết rất nhiều” (Ngô Gia văn phái, 2014: 412), nhưng đồng thời và ngay sau đó quân và dân ta các thời kỳ đều thể hiện ý chí hòa hiếu, chấp nhận nhún nhường, triều cống giặc phương Bắc nhằm giữ lấy hòa

* Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

binh độc lập, có thời gian cho dân tình nghỉ ngơi. Ngay từ thời An Dương Vương, sau kháng chiến chống quân Tần thành công, An Dương Vương đã cử Lý Ông Trọng, một vị tướng sang phương Bắc thiết lập quan hệ ngoại giao và gả công chúa cho con của Triệu Đà. Năm 905, Khúc Thừa Dụ lãnh đạo nhân dân giành thắng lợi trước nhà Đường, ngay lập tức xin vua nhà Đường phong cho mình làm Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ, tỏ ra quy thuận dưới trướng vua Đường. Các triều đại tiếp theo của Đại Việt như nhà Đinh, Lê, Lý, Trần, Hậu Lê, sau mỗi chiến thắng, đều theo lệ cũ xin hòa hiếu, bảo vệ nền độc lập mới giành được. Mục đích xin hòa hiếu nhằm gìn giữ độc lập của Tổ quốc là nhiệm vụ đầy khó khăn, tế nhị và đã được giao cho những nhà ngoại giao tài giỏi thực hiện. Bằng kiến thức và sự tinh tế nhạy bén thế cuộc, các nhà ngoại giao đã làm cho các đời vua phương Bắc không cảm thấy xấu hổ vì thua trận mà còn tấn phong và thiết lập quan hệ ngoại giao với nước “nhược tiểu” như nước ta.

Ngô Thì Nhậm là một trong những nhà ngoại giao kiệt xuất của nước ta trong quá trình thiết lập mối quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Ngô Thì Nhậm nổi lên như một hình mẫu tiêu biểu, xứng đáng là “đỉnh cao của mọi đỉnh cao” (Ngô Thì Nhậm, 2001: 105). Những chiến công trên mặt trận ngoại giao của Ngô Thì Nhậm được tập hợp thành tác phẩm *Bang giao hảo thoại*, thể hiện sự thông tuệ, mưu lược trong

mối quan hệ giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao của nước ta ở thế kỷ XVIII. *Bang giao hảo thoại* được tập hợp từ nhiều biểu chương, tờ trình tấu, thư từ được Ngô Thì Nhậm viết với mục đích “trần tình” với vua Càn Long về tổn thất của binh lính “thiên triều”, cũng như những yêu cầu của nhà Tây Sơn trong quan hệ với Trung Quốc. *Bang giao hảo thoại* gồm hai quyển. Quyển một gồm 64 bài viết theo thể loại bảm trình được thực hiện từ năm 1789 đến 1799. Quyển hai là các loại biểu, gồm 17 bài, cũng được viết từ năm 1789 đến 1799. Đây chính là những “trang đẹp nhất trong nền ngoại giao Việt Nam cổ xưa” (Ngô Thì Nhậm, 2001: 330).

2. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGHỆ THUẬT NGOẠI GIAO NGÔ THÌ NHẬM TRONG *BANG GIAO HẢO THOẠI*

2.1. Nghệ thuật nắm bắt thời cơ giành thế chủ động trong hoạt động ngoại giao

Theo *Từ điển tiếng Việt*, thời cơ là “hoàn cảnh thuận lợi đến trong thời gian ngắn, là điều kiện giúp tiến hành hiệu quả một việc nào đó” (Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2005: 1549). Thời cơ gắn liền với sự thành bại của mỗi cá nhân, dân tộc, của mỗi tổ chức chính trị - xã hội với những quy mô khác nhau. Thời cơ có tính khách quan, thường xuất hiện bất ngờ và tồn tại trong khoảng thời gian nhất định. Thời cơ có thể đoán trước và phụ thuộc vào khả năng của mỗi người. Do đó chỉ một số ít người tài

giỏi mới có khả năng dự báo, theo dõi, nắm bắt và tận dụng được thời cơ để thực hiện đạt mục đích.

Thế kỷ XVIII ghi dấu ấn về tiềm lực quân sự mạnh mẽ và tham vọng bành trướng của nhà Thanh. Dưới tài lãnh đạo của vua Càn Long, các bộ tộc ở phía Bắc, phía Tây, phía Nam bị thu phục tạo thành đất nước Trung Quốc ngày nay.

Vào giữa năm 1788, vì muốn bảo vệ ngai vàng trước sức mạnh chính nghĩa của quân Tây Sơn, Lê Chiêu Thống đã trốn chạy và cầu viện nhà Thanh. Càn Long nhận định đây chính là cơ hội để xâm lược và “đóng đai binh ở nước ấy, xa xa kiểm chế họ, sau này sẽ có cách xử trí khác” (Ngô Gia văn phái, 2014: 417). Điều này cho thấy Càn Long đã có dã tâm với nước ta từ trước. Thậm chí, Càn Long còn tính đến chuyện sẽ kết hợp với “Tiêm La” và phục quốc cho Chiêm Thành, tạo thành thế chân vạc khống chế nước An Nam (Hồ Bạch Thảo, 2010: 96). Nhân dịp Lê Chiêu Thống xin cứu viện, nhà Thanh đã chính thức mang quân ồ ạt tràn vào Việt Nam với danh nghĩa “phù Lê diệt Nguyễn (Tây Sơn)” và chiêu bài “hưng diệt kế tuyệt”, nghĩa là “làm hưng thịnh nước đã bị tiêu diệt, làm dòng họ bị đứt được tiếp nối”. Tuy nhiên, ý đồ đó đã bị vua Quang Trung dập tắt một cách nhanh chóng bằng chiến thắng Đống Đa - Ngọc Hồi chấn động “thiên triều”. Dĩ nhiên, vua Càn Long sẽ “lệnh cho các Tổng đốc, Tuần phủ ở dọc biên giới hãy cho quân lính các doanh kịp thời

thao diễn, cốt sao cho lương đủ binh tinh, sẵn sàng chờ sai khiến, để chuẩn bị việc đánh dẹp hồi tội, dự cho các nơi đều biết” (Hồ Bạch Thảo, 2010: 96). Với mục đích giữ yên bờ cõi, tạo điều kiện cho dân chúng học hành, làm kinh tế “cho dân giàu nước mạnh” (Đào Duy Anh, 2002: 427) và hoài bão “lập một đội quân rất mạnh để đương đầu với nhà Thanh mà đòi những gì đất nước ta bị mất vào Trung Hoa từ thời Lê mạt” (Đào Duy Anh, 2002: 427), vua Quang Trung chủ trương hòa hoãn và sử dụng biện pháp ngoại giao nhằm thuyết phục Càn Long. Chiến thắng của vua Quang Trung và toàn thể nhân dân trong kháng chiến chống quân Thanh chính là một yếu tố khách quan, tạo ra thời cơ để giữ gìn hòa bình cho đất nước. Phải tận dụng được thời cơ vua nhà Thanh còn đang ngỡ ngàng vì thua trận để giữ yên bờ cõi. Nếu chậm trễ trong hành động, để Càn Long điều binh khiển tướng sang báo thù, sẽ có tội lớn đối với Tổ quốc và nhân dân. Vai trò của công tác đối ngoại lúc này vô cùng quan trọng, ví như một đạo quân thực thụ trong bảo vệ đất nước, ngăn chặn “binh mã chín tỉnh sang xâm lược Việt Nam” (Quách Tấn - Quách Giao, 2016: 199) lần thứ hai. Ngô Thì Nhậm đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chớp thời cơ ngăn chặn binh đao, bảo vệ nền độc lập mới giành được.

Việc tận dụng được thời cơ bảo vệ hòa bình cho đất nước không phải ngẫu nhiên mà có và thời cơ cũng không tự nhiên mà xuất hiện. Tất cả đều do sự chuẩn bị đón bắt từ trước.

Khi biết tin quân Thanh chuẩn bị tràn qua biên ải, Ngô Văn Sở đã thay mặt Nguyễn Huệ gửi thư giải thích lý do động binh đao trong nước và xin Tôn Sĩ Nghị “dừng giáo gươm làm vũ, người ngựa đã qua cửa quan, hãy tạm đóng trên quan ải” (Ngô Thì Nhậm, 2001: 305), dừng việc tiến hành xua binh theo yêu cầu của vua Lê. Nếu vẫn ngoan cố xâm lược, thì quân dân trong nước cũng đã chuẩn bị cách chống lại quân “thiên triều”, mặc dù sự chống lại này, theo Ngô Văn Sở là do “người trong nước lo sợ, hoảng hốt” (Ngô Thì Nhậm, 2001: 305) mà làm. Đồng thời, nhắc nhở Tôn Sĩ Nghị về việc xua quân sang đánh nước An Nam, trên danh nghĩa, không phải là ý muốn của Càn Long. Sách lược ngoại giao lúc này của Nguyễn Huệ cũng đã tính đến việc vua quan nhà Thanh sẽ thất trận và chúng ta phải giữ thể diện cho họ, không làm cho họ cảm thấy nhục nhã xấu hổ, mà liên tiếp dụng binh đao.

Do đã có sự chuẩn bị nên khi quân Thanh đại bại, chớp thời cơ gìn giữ hòa bình cho đất nước, Ngô Thì Nhậm đã thay mặt vua Quang Trung - Nguyễn Huệ liên tiếp gửi những bản trần tình và thư từ qua lại với Quảng Tây Tả giang binh bị đạo Thang Hùng Nghiệp với mục đích biện minh cho việc chống lại quân thiên triều và cho rằng mọi việc xảy ra là do Tôn Sĩ Nghị vì tham lập đại công mà gây ra.

Sự đặc sắc của Ngô Thì Nhậm là đã tìm được nguyên do và dựa vào đó để không làm mất mặt mà ngược lại xoa

dịu Càn Long. Nhưng suy đến cùng, Càn Long chính là người “ngồi trong màn trướng xa ngàn dặm” điều khiển cuộc xâm lược này. Tác phẩm *Thanh thực lục* do dịch giả Hồ Bạch Thảo biên dịch, đã cho thấy Càn Long theo dõi mỗi bước tiến đại quân nhà Thanh và mỗi lần chiếm được thành trì của nước An Nam, Càn Long đều phong thưởng hậu hĩnh cho Tôn Sĩ Nghị.

Ngô Thì Nhậm đã khai thác triệt để tội lỗi của Tôn Sĩ Nghị và “trần tình” vì họ Tôn là quan văn, muốn lập đại công hiển hách, cho nên “Không xét rõ được tình hình ở xa, đem cái cờ đằng kia bỏ nước, cái cờ đằng này vào nước... đem tờ biểu của tôi xé vứt xuống đất... buông tay giết hại, thỏa bụng tham tàn” (Ngô Thì Nhậm, 2001: 308). Ngô Thì Nhậm cho rằng, Tôn Sĩ Nghị là kẻ ngu dốt, “không suy xét sự lý cho cùng, gây nên hấn khích phải dùng binh, khiến cho nhân dân phải mắc vòng cay đắng, che bịt người trên, lấn át người dưới đến như thế” (Ngô Thì Nhậm, 2001: 309). Có thể thấy, tất cả các bản trần tình đều tỏ ý khuất phục, nhường phần thắng trên danh nghĩa, trên lời nói cho quan quân nhà Thanh. Tuy nhiên, cùng với đó là lời lẽ đanh thép, cách dùng từ mạnh bạo của người chiến thắng, Ngô Thì Nhậm đã liệt kê những thất bại của quan quân nhà Thanh nói riêng và của Trung Quốc nói chung từ khi tiến hành xâm lược Đại Việt một cách rõ ràng và cụ thể trong các bản trần tình, cốt cho nhìn gương người xưa mà tránh sai lầm khi xâm lược nước An Nam nhỏ bé. Tính kiêu hãnh của người chiến

thắng và tinh thần tự hào dân tộc được thể hiện trong việc Ngô Thì Nhậm “sai hai viên quan người Di là Nguyễn Hữu Điều và Vũ Huy Phác mang biểu văn đến dâng” (Hò Bạch Thảo, 2010: 106) cho Thang Hùng Nghiệp cũng như Tổng đốc Lương Quảng Phúc An Khang mà không phải đích thân đem đi. Bọn chúng đọc mà cay đắng tức giận, nhưng cũng không dám chống lại khí thế ngất trời của quân Tây Sơn, cũng như không muốn đi vào vết xe đổ của Tôn Sĩ Nghị, mất hết tiền đồ sự nghiệp của bản thân. Ngô Thì Nhậm khẳng định, nếu quan quân nhà Thanh mà xâm lược nước ta một lần nữa thì sẽ gặp thất bại vì: “Phàm quân đội, cốt ở chỗ đoàn kết một lòng, không cốt ở chỗ đông; binh lính quý ở chỗ tinh nhuệ, không quý ở chỗ nhiều. Kẻ khéo thắng, là thắng ở chỗ vô cùng mềm dẻo, chứ chẳng phải ỷ mạnh lấn yếu, lấy đông hiếp yếu đâu. Nếu như sự tình trước đây chưa được giải tỏ mà thiên triều không chút khoan dung, cố gây việc tranh chiến, thì đó là làm cho nước nhỏ này không được hết lòng cung kính thờ nước lớn, tôi cũng đành phải nghe theo mệnh trời mà thôi” (Ngô Thì Nhậm, 2001: 312). Chắc chắn rằng, Thang Hùng Nghiệp và Phúc An Khang sẽ không dám trình các thư từ này lên vua nhà Thanh mà sẽ dùng những lời lẽ khác để thuyết phục làm cho Càn Long không xua quân xuống phía Nam báo thù. Cuối cùng, Càn Long “bèn quyết ý giảng hòa” (Ngô Gia văn phái, 2014: 421), “quyết định không đánh nữa, nên không cần nhiều

binh đóng giữ. Tất cả số binh Quảng Đông 3.000 tên, đã giảng chỉ phải triệt hồi ngay” (Hò Bạch Thảo, 2010: 120), thiết lập mối quan hệ, công nhận triều đại nhà Tây Sơn và Quang Trung là “vua nước Việt Nam” (Quách Tấn - Quách Giao, 2016: 199). Thậm chí, để tỏ rõ thực lòng không xua quân xâm lược một lần nữa với Nguyễn Huệ, Càn Long cho mời sứ đoàn An Nam đến Quế Lâm - Trung Quốc xem xét việc sinh sống của Lê Duy Kỳ.

Theo *Thanh thực lục*, thì vào ngày 5 tháng 5 năm Càn Long thứ 54 (29/5/1789), Càn Long đã có chỉ dụ gửi các quan đại thần rằng: Lê Duy Kỳ vì không có năng lực nên mất nước, vút án tín lên trốn, nay cứ tạm tha cho y tội để mất bờ cõi ngoại phiên, bố trí ở yên tại tỉnh thành Quế Lâm, chăm chước trợ cấp như một người dân thường. Nếu nghe y vẫn để tóc dài như cũ, dùng mũ áo của nước y, khác xa với dân nội địa, thì thật chưa hợp với thể chế. Nay truyền các Tổng đốc, Tuần phủ lập tức lệnh cho Lê Duy Kỳ cùng bọn tùy tùng của y phải cạo đầu, đổi dùng theo y phục của thiên triều. Trong tương lai khi Nguyễn Quang Hiển (cháu của Nguyễn Huệ - tác giả) đi qua Quế Lâm, gặp Lê Duy Kỳ, thấy y đã cạo tóc, thay đổi cách ăn mặc, thì hẳn không có lẽ nào trở về nước. Đồng thời có thể lệnh cho Nguyễn Quang Hiển trở về nước báo cáo cho Nguyễn Huệ biết để được thoát khỏi nỗi nghi sợ (Hò Bạch Thảo, 2010: 133).

Như vậy, bằng nghệ thuật chớp thời cơ và sử dụng những lời lẽ khôn

khéo, lúc cương lúc nhu, Ngô Thị Nhậm đã giữ yên được biên cương. Đây là một chiến công hiển hách nhưng thâm lặng, mà nói như Quang Trung Nguyễn Huệ “không phải Ngô Thị Nhậm thì không ai làm được” (Ngô Gia văn phái, 2014: 408). Qua đó, thế hệ sau cũng thấy được rằng, lời lẽ trong *Bang giao hảo thoại* mang vẻ nhún nhường nhưng đều ở thế chủ động, không khuất phục bất cứ yêu cầu nào của nhà Thanh và thỏa mãn mọi mục đích của hoạt động ngoại giao lúc bấy giờ.

2.2. Nghệ thuật đàm phán trong hoạt động ngoại giao

Hoạt động ngoại giao là hoạt động mang tính khoa học và nghệ thuật nhằm bảo vệ quyền lợi, quyền hạn quốc gia dân tộc bằng con đường đàm phán và các hình thức hòa bình khác. Bên cạnh tính khoa học thì hoạt động ngoại giao còn mang tính nghệ thuật và được thể hiện trong khả năng đàm phán của các nhà ngoại giao. Ở thế kỷ XVIII, sau khi đại thắng quân Thanh, triều đình Tây Sơn đã thực hiện công tác ngoại giao thông qua đàm phán và giao cho Ngô Thị Nhậm đảm nhận. Nghệ thuật đàm phán đã được Ngô Thị Nhậm vận dụng nhuần nhuyễn nhằm bác bỏ những yêu sách bất hợp lý của triều đình nhà Thanh cũng như thỏa mãn yêu cầu của đất nước ta trong giai đoạn lịch sử này.

Để thực hiện những nhiệm vụ ngoại giao của mình, Ngô Thị Nhậm đã có những đàm phán bằng văn thư trao đổi qua lại với Quảng Tây Tả giang

binh bị đạo Thang Hùng Nghiệp và Tổng đốc Lương Quảng Phúc An Khang – những người được Càn Long giao nhiệm vụ thực hiện công tác ngoại giao với triều đình Tây Sơn. Tính nghệ thuật trong đàm phán ngoại giao, theo chúng tôi, được thể hiện qua những phương pháp nhằm làm thay đổi quan điểm của đối phương và buộc họ thực hiện theo những yêu cầu của mình. Cụ thể:

Thứ nhất, khả năng nắm bắt tâm lý đối phương, biết mình biết ta, sử dụng triệt để các lợi thế để giành chiến thắng. Ngô Thị Nhậm thường xuyên lặp đi lặp lại những điều quan trọng và nhấn mạnh những mặt không tốt trong các thư từ bang giao. Vấn đề đầu tiên được lặp đi lặp lại nhiều lần trong *Bang giao hảo thoại* sau khi đại phá quân Thanh thành công là xin được giảng hòa nhằm tránh nạn binh đao cho nhân dân, cũng như có thời gian xây dựng lại lực lượng. Bằng việc tìm ra nguyên do nhằm tránh cho vua Càn Long mất mặt khi bị thất trận, Ngô Thị Nhậm đã chỉ ra rằng chính Tôn Sĩ Nghị vì muốn lập đại công nên đã qua mặt Càn Long, dấy binh đánh chiếm Đại Việt. Cái tên Tôn Sĩ Nghị được Ngô Thị Nhậm nhắc đi nhắc lại rất nhiều lần trong ba tờ trình là “Biểu trần tình”, “Thư Quốc vương gửi Thang Hùng Nghiệp Quảng Tây phân tuần, Tả giang binh bị đạo Tổng lý việc biên giới, để biện luận về duyên do gây cuộc binh tranh” và “Thư Quang Trung gửi Tổng đốc Phúc An Khang” gửi Thang Hùng Nghiệp và Phúc An Khang, cố ý tạo dấu ấn cho rằng chính

Tôn Sĩ Nghị là nguyên nhân thất bại của hơn hai mươi vạn quân Thanh trên đường tiến vào thành Thăng Long và tại thành Thăng Long. Vấn đề thứ hai là cần phải thông qua trao đổi và cho Càn Long thấy được rằng, An Nam vẫn là một nước nhỏ và trên danh nghĩa, vẫn quy phục Trung Hoa. Thay mặt vua Quang Trung, bằng những thủ pháp của ngôn từ, Ngô Thì Nhậm liên tục tự xưng là “tiểu phiên”, nhiều lần tự gọi mình là “kẻ áo vải gặp thời” trong giao tiếp với triều đình Mãn Thanh. Đặc biệt, Ngô Thì Nhậm, trong suốt tập *Bang giao hảo thoại*, đã liên tục tự nhận là nước “phiên thuộc” và “ngưỡng mộ thanh giáo Trung Hoa”, làm cho vua Càn Long cũng như quan lại triều đình Mãn Thanh thích thú và thỏa mãn những yêu sách từ triều đình Tây Sơn. Tuy nhiên, trong ba tờ trình đầu tiên của *Bang giao hảo thoại*, với bối cảnh lịch sử là vừa mới chiến thắng trong cuộc kháng chiến chống xâm lược Mãn Thanh, Ngô Thì Nhậm cũng thường xuyên nhấn mạnh và nhắc nhở về những tổn thất nặng nề của quan quân “thiên triều” khi xâm lược nước ta với lời lẽ quyết liệt, bất khuất của một người bề trên đang giáo huấn kẻ dưới. Việc nhắc đi nhắc lại những vấn đề cơ bản, những ý thiết hơn trong ngoại giao là một nghệ thuật mà người sử dụng phải thật khéo léo mới có thể đạt được mục đích của mình, vì đây cũng là con dao hai lưỡi, rất dễ kích động đối phương và phá hủy mục tiêu của ngoại giao.

Thứ hai, uyển chuyển, linh hoạt trong việc bảo vệ quan điểm và thỏa mãn

các yêu sách của đối phương. Có thể thấy, việc bang giao giữa Việt Nam và Trung Quốc thời Tây Sơn đều thông qua văn bản thư từ trao đổi giữa Ngô Thì Nhậm với các quan lại triều đình Mãn Thanh. Chính vì vậy, kỹ năng viết của Ngô Thì Nhậm trong *Bang giao hảo thoại* phải được thể hiện thật linh hoạt và mềm dẻo, truyền tải hết tất cả kiến thức cũng như tâm huyết của ông đối với nền độc lập của đất nước. Trong những văn bản gửi triều đình nhà Thanh nhằm thực hiện những yêu cầu của triều đình Tây Sơn, chúng ta đều thấy trong đó sự am tường lịch sử cũng như thủ pháp sử dụng các sự kiện lịch sử một cách uyển chuyển, linh hoạt buộc đối phương phải thỏa mãn mọi yêu cầu của triều đình Tây Sơn lúc bấy giờ. Sự uyển chuyển, linh hoạt còn được thể hiện trong cách dùng từ ngữ lúc trầm lúc bổng, lúc đề cao triều đình, lúc tỏ ý xem thường quan quân hoặc có đôi lúc dùng từ ngữ đánh thẳng vào cái tư tưởng quân tử rơm, ham thích lời ngon ngọt của quan lại Mãn Thanh. Sau chiến thắng vang dội ở Ngọc Hồi - Đống Đa, Ngô Thì Nhậm đã viết biểu trần tình, gửi triều đình Mãn Thanh, trong đó, ca ngợi vua Càn Long “chịu mệnh sáng trời, làm vua muôn nước..., Trung Quốc ngoại di tất cả cùng một phong hóa... nước An Nam thấm nhuần phong hóa đã lâu”, “đâu không là con đờ của triều đình” và quân lính của nước An Nam thì “một dải bề dân quân binh giáp không đương được một phần trong muôn phần của Trung triều” (Ngô Thì Nhậm, 2001: 307-308)

và ngay lập tức Ngô Thì Nhậm cho quan quân Trung Quốc biết rằng: “Tôi không trách lời chê ném con chuột mới lấy dân đình năm ba áp cùng đi theo. Ngày mùng 5 tháng Giêng năm nay tiến đến Lê Thành”, làm cho quân lính Mãn Thanh “cùng chồng chất lên nhau mà chết đầy cả đồng, lấp cả sông” (Ngô Thì Nhậm, 2001: 309). Trong thư gửi Tổng đốc Phúc Khang An, Ngô Thì Nhậm viết: “Đại nhân là bậc văn võ toàn tài, danh vọng rực rỡ đã lâu, từng đánh dẹp phủ Kim Xuyên và Đài Loan, uy phong chấn động trong ngoài, thực là kẻ bề tôi tâm phúc, tay chân của đại hoàng đế, biết nêu rộng uy đức vỗ yên người xa” (Ngô Thì Nhậm, 2001: 314). Ngay lập tức Phúc Khang An đã có thư gửi về cho Càn Long: “Thần đi đến vùng huyện Quý tỉnh Quảng Tây, nhận được triệu Tổng đốc, suốt đường bí mật quan sát tình hình An Nam, cùng lấy sự tình mà xét: Lê Duy Kỳ bỏ ấn lèn trốn, y chỉ là một kẻ ngu si không đáng thương tiếc, người trong nước cũng hoàn toàn không ai yêu kính gì. Nguyễn Huệ đã muốn hô hào người trong nước tự nhiên phải trông lên nhờ vào thanh thế của thiên triều. Vậy hẳn lo lắng sợ hãi cũng không phải là không thật” (Hồ Bạch Thảo, 2010: 116). Chính vì vậy, trong khoảng thời gian ngắn, mục đích ngăn chặn cuộc xâm lăng lần thứ hai của triều đình Mãn Thanh đã được thực hiện thành công.

Sự uyển chuyển và linh hoạt trong bang giao với Mãn Thanh thể hiện rõ ràng nhất trong yêu sách đòi bỏ tục lệ cống người vàng của các triều đại

nước Nam đối với các triều đại phương Bắc. Theo sử liệu Trung Hoa, việc “cống người vàng thể thân” cho Trung Quốc “bắt đầu xuất hiện từ thời Nguyên” (Nguyễn Thanh Tùng, 2012: 147) khi chúng tìm cách chèn ép vua nhà Trần, sau hai lần thất bại trong cuộc xâm lược Đại Việt và bởi vua nhà Trần lúc bấy giờ đang tìm cách giảng hòa nhằm tránh binh đao cho nhân dân trong nước. Việc “cống người vàng thể thân” hoàn toàn không được ghi chép trong sử sách nước Việt lúc bấy giờ. Sau này, trong Ngô Gia văn phái với tác phẩm *Bang giao hảo thoại*, mới có chút manh mối về việc “cống người vàng thể thân”. Theo Nguyễn Thanh Tùng (2012), thì Ngô Thì Nhậm, trong *Bang giao hảo thoại* “cũng bác bỏ việc triều Trần tiến cống (ở đây mục đích của nó không chỉ để khẳng định tinh thần dân tộc, mà còn phục vụ cho nhiệm vụ ngoại giao hiện tại: chống lại việc Phúc Khang An đòi cống người vàng). Rõ ràng, làm gì có sự cung thuận ngoan ngoãn, vô điều kiện, mặc nhiên đối với những yêu sách vô lý và ngạo mạn của “thiên triều” như sử gia và các nhà nghiên cứu Trung Hoa hay phương Tây khẳng định” (Nguyễn Thanh Tùng, 2012: 146-181). Tuy nhiên, trong tác phẩm *Ngô Thì nhậm, tác phẩm 1*, Ngô Thì Nhậm, một mặt, thừa nhận việc cống người vàng của các triều đại nhà Trần, nhà Lê và khẳng định “kịp đến giữa đời đại nhà Lê, việc hiến người vàng cũng đã đình bãi” (Ngô Thì Nhậm, 2001: 348). Mặt khác, chỉ ra rằng “đúc người vàng thay mình vào châu thì từ Đường, Ngu,

Tam đại cho tới Hán, Đường, Tống chưa từng thế bao giờ” và cũng chỉ ra “hai đời Nguyên - Minh làm việc không theo đời xưa, sao đủ bắt chước” (Ngô Thì Nhậm, 2001: 349). Vì vậy, “cúi mong đại nhân, noi theo mệnh lớn, miễn cho nước tôi về việc đúc vàng người vàng” (Ngô Thì Nhậm, 2001: 349). Từ những lời lẽ trên của Ngô Thì Nhậm, vua “Càn Long tỏ ý chê cười việc cống người vàng của các triều đại trước” (Nguyễn Thanh Tùng, 2012: 146-181). Bắt đầu từ đây, nhân dân ta và triều đại phong kiến tiếp theo không còn phải lo đúc người bằng vàng và đem cống cho Trung Quốc. Thực tế, người được đúc bằng vàng thường có giá trị không lớn so với các vật phẩm khác nhưng nó thể hiện sự thần phục, cung thuận của người đứng đầu nước Việt, mặc cho đó là sự cung thuận hình thức, đối với các triều đại phong kiến Trung Quốc.

Như vậy, chỉ bằng khả năng phân tích cùng với kiến thức lịch sử uyên thâm, qua thư từ trao đổi mà Ngô Thì Nhậm đã xóa bỏ được việc triều cống làm nhục quốc thể từ trước kia. Theo Cao Xuân Huy (1977), Ngô Thì Nhậm là “con người từng trải việc đời”, “hiểu thông kinh truyện” và văn chương già dặn” (*Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm*, 1978: 31) đã nói lên nghệ thuật sử dụng ngòi bút tài tình của Ngô Thì Nhậm trong việc giữ gìn biên cương và nền độc lập vừa mới gây dựng được của nước nhà.

3. TỪ NGHỆ THUẬT NGOẠI GIAO NGÔ THÌ NHẬM ĐẾN BÀI HỌC LỊCH

SỬ TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ HIỆN NAY

Trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, ngoại giao có vị trí cực kỳ quan trọng, là mặt trận trọng yếu giữ gìn sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước. Từ nhiều năm trước Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng. Cái chiêng có to, tiếng mới lớn” (Hồ Chí Minh, 2009: 126). Nội lực là nhân tố quyết định sức mạnh của đất nước, cùng với đó ngoại giao chính là yếu tố quan trọng tạo nên địa vị, vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Bằng những hoạt động cụ thể và mưu lược, hoạt động ngoại giao của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay đã đạt được những thành tích đáng kể. Thể hiện ở “Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 185 nước trên thế giới, trong đó có 2 đối tác chiến lược toàn diện, 13 đối tác chiến lược và 11 đối tác toàn diện” (Bộ Ngoại giao Việt Nam, 2018). Từ quan hệ đối ngoại này đã góp phần đưa Việt Nam từ một nước đói nghèo, lạc hậu, trở thành một trong những quốc gia sản xuất và xuất khẩu lương thực đứng hàng thứ 2 trên thế giới, được Liên Hiệp Quốc ghi nhận những kết quả tích cực trong việc xóa đói giảm nghèo và thực hiện nhiều mục tiêu phát triển thiên niên kỷ. Toàn bộ các hoạt động của ngoại giao Việt Nam hiện nay dựa trên phương châm “là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế” (Bộ Ngoại giao Việt Nam, 2018). Tinh thần của phương châm này được

đúc kết từ những bài học kinh nghiệm quý báu trong hoạt động ngoại giao liên tục hàng nghìn năm trước của nước nhà. Nghiên cứu nghệ thuật ngoại giao Ngô Thì Nhậm, góp phần bổ sung cho kho tàng lý luận của hoạt động ngoại giao Việt Nam, đồng thời, xác định được các bài học lịch sử làm hành trang quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ nhất, bài học về dự báo, phát hiện và nắm bắt thời cơ trước sự biến động phức tạp của thế giới hiện nay. Có thể thấy, nhờ dự báo chính xác tình hình quân Thanh xâm lược và sẽ thất bại, Ngô Thì Nhậm đã có hàng loạt các phương án ngoại giao, cũng như tự xây dựng những nguyên cơ và lấy đó làm lý do ngăn chặn quân Thanh xâm lược lần thứ hai. Như vậy, dự báo chính xác những diễn biến trên thực địa chính là cơ sở của việc xác định thời cơ và nắm bắt thời cơ. Với việc thiết lập quan hệ ngoại giao sâu rộng như hiện nay, hình thành thời cơ lớn để Việt Nam bứt phá trong phát triển kinh tế cũng như đảm bảo an ninh quốc phòng. Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những đánh giá diễn biến tình hình thế giới một cách chính xác: “Tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen; đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới to lớn, phức tạp hơn đối với sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước và bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải quyết tâm, nỗ lực phấn đấu mạnh mẽ hơn” (Đảng Cộng

sản Việt Nam, 2016: 75). Vì thế cần phải “kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Mở rộng và đưa vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại; tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện hiệu quả hội nhập quốc tế trong điều kiện mới, tiếp tục nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016: 218-219). Một trong những nguyên nhân quan trọng của việc dự báo và nắm bắt thời cơ trong giai đoạn hiện nay chính là yếu tố con người và đào tạo con người. Con người chính là yếu tố nội lực tạo thành bản sắc của ngoại giao Việt Nam và cũng chỉ có con người Việt Nam được đào tạo toàn diện mới có thể viết tiếp được những trang sử hào hùng của ngoại giao Việt Nam.

Thứ hai, bài học về xác định mục đích trong các hoạt động ngoại giao. Có nhiều mục tiêu trong từng thời điểm lịch sử khác nhau. Các mục tiêu đó đều góp phần hoàn thành mục đích của một chính sách nhất định. Trong tình hình kinh tế - chính trị thế giới hiện nay, kế thừa truyền thống ngoại giao dân tộc, ngoại giao Việt Nam phải xác định được mục đích cơ bản của mình, qua đó xây dựng những mục tiêu nhiệm vụ cụ thể phục vụ cho mục đích ấy. Việc xác định mục đích của hoạt động ngoại giao không phải là việc đơn giản, nó đòi hỏi trí tuệ và tâm

huyết đối với đất nước của các nhà ngoại giao trong những giai đoạn lịch sử khác nhau. Nhằm xác định mục đích của các hoạt động ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Muốn làm gì cũng cần vì lợi ích của dân tộc mà làm” (dẫn theo Trần Nam Tiến, 2013: 29). Đại hội Đảng lần thứ X một lần nữa xác định rõ mục đích của ngoại giao Việt Nam: “lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006: 114). Kiên định mục đích và lý tưởng xã hội chủ nghĩa của dân tộc trong mọi hoàn cảnh là bài học được rút ra từ việc nghiên cứu nghệ thuật ngoại giao Ngô Thì Nhậm nhằm hoàn thành mọi nhiệm vụ ngoại giao trong tất cả các biến động của tình hình quốc tế.

Thứ ba, bài học về tính linh hoạt và uyển chuyển trong các hoạt động ngoại giao. Có thể dễ dàng nhận thấy, trong các hoạt động ngoại giao của mình, Ngô Thì Nhậm sẵn sàng nhường phần thắng trên danh nghĩa cho đối phương, nhận lấy phần thua thiệt bằng ngôn từ về phía mình. Điều này thể hiện tính linh hoạt của hoạt động ngoại giao, miễn sao lợi ích dân tộc, lợi ích quốc gia không thay đổi là thành công. Ngày nay, trong quan hệ quốc tế đã thấy có sự xuất hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, hẹp hòi, chủ nghĩa sô-vanh nước lớn, bành trướng, bá quyền. Các nước lớn vì lợi ích của mình, bất chấp luật pháp quốc tế, sẵn sàng can thiệp vào quyền chủ quyền của các quốc gia khác bằng nhiều hình thức khác nhau. Trong tình hình đó, kế thừa truyền thống, công

tác đối ngoại của Việt Nam cần tiếp tục thể hiện tính linh hoạt, uyển chuyển, nhạy bén và thậm chí thay đổi cách tiếp cận truyền thống bằng những cách tiếp cận khác mới hơn như “ngoại giao thể thao”, “ngoại giao lương thực”, “ngoại giao văn hóa”, “ngoại giao khoa học”, “ngoại giao phòng ngừa”, hoặc mềm mại hóa khái niệm “bạn - thù”, sẵn sàng là bạn và đối tác tin cậy với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế với mục đích duy nhất là đảm bảo lợi ích quốc gia dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

4. KẾT LUẬN

Bang giao hảo thoai cho thấy nghệ thuật ngoại giao tài ba của Ngô Thì Nhậm. Đây là nghệ thuật ứng xử của một quốc gia có diện tích và dân số khiêm tốn với một quốc gia rộng lớn và dân số đông gấp nhiều lần. Trong đó, việc chớp thời cơ và nghệ thuật đàm phán là cốt lõi để giành chiến thắng, thỏa mãn mọi yêu cầu của đất nước. Sự mềm dẻo, uyển chuyển của nghệ thuật ngoại giao Ngô Thì Nhậm không tách rời với khí phách, sự bất khuất và tinh thần tự hào dân tộc trong các hoạt động bang giao của nước ta thế kỷ XVIII cũng như trong những giai đoạn lịch sử trước đó và sau này. Ngô Thì Nhậm với vị trí và vai trò của mình đã trở thành một nhà ngoại giao kiệt xuất, là tấm gương cho các nhà ngoại giao thế hệ sau trong quá trình ứng xử với quốc gia lớn phương Bắc. Nghệ thuật ngoại giao trong mỗi thời đại khác nhau, được thể hiện theo cách khác nhau. Nhưng những gì Ngô Thì Nhậm để lại cho hậu thế, thông qua

những bản thảo viết tay, những bức thư viết nhưng chưa gửi, hoặc cần phải sửa chữa câu từ trước khi gửi đi đã “là những văn kiện ngoại giao vô cùng quý báu trong kho tàng văn học nước nhà” (*Tuyển tập thơ văn Ngô Thị Nhậm*, 1978: 31). Cùng với đó, góp phần giúp cho thể hệ sau hình dung được mặt trận ngoại giao của dân tộc ta thế kỷ XVIII, một mặt trận mà ở đó trí tuệ và tầm vóc của người Việt Nam là cội nguồn của tinh thần tự hào dân tộc của giới trẻ ngày nay.

Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ cũng như sự thay đổi liên tục trong quan hệ quốc tế ngày nay, đối ngoại cần nhạy bén và thích ứng, đồng thời hoạt động ngoại giao Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu truyền thống, nhìn thấy rõ sự tinh tế và nghệ thuật trong ngoại giao của cha ông, hình thành tinh thần tự hào dân tộc, qua đó kế thừa và tiếp tục rút ra những bài học lịch sử quý giá, làm hành trang cho quá trình hội nhập kinh tế thế giới. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Ngoại giao Việt Nam. 2018. “Ngoại giao Việt Nam 70 năm truyền thống và định hướng tương lai”. <http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/nr040807104143/nr111027144142/ns150820092939>, truy cập ngày 13/ 12/2018.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2006. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2016. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*. Hà Nội: Nxb. Văn phòng Trung ương.
4. Đào Duy Anh. 2002. *Lịch sử Việt Nam: Từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
5. Hồ Bạch Thảo (dịch và chú giải). 2010. *Thanh thực lục – Quan hệ Thanh - Tây Sơn cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX*. Hà Nội: Nxb. Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh. 2009. *Toàn tập*, tập 4. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
7. Lưu Đình Vinh. 2008. *Tư tưởng yêu nước Ngô Thị Nhậm thời Tây Sơn*. Luận văn Thạc sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP HCM.
8. Ngô Gia văn phái. 2014. *Hoàng Lê nhất thống chí*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
9. Ngô Thị Nhậm. 2001. *Tác phẩm 1*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
10. Nguyễn Thanh Tùng. 2012. “Cống ‘người vàng thể thân’: Từ sử liệu chính thống đến truyền thuyết dân gian”. *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 8-9.
11. Quách Tấn - Quách Giao. 2016. *Nhà Tây Sơn*. Hà Nội: Nxb. Thanh niên.
12. Trần Nam Tiến. 2013. “Lợi ích quốc gia trong chính sách đối ngoại của Việt Nam thời kỳ đổi mới”. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 10(71).
13. Trần Ngọc Ánh. 2009. “Ngoại giao Tây Sơn – những tư tưởng đặc sắc và bài học lịch sử”. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Đại học Đà Nẵng, số 1(30).
14. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia. 2005. *Từ điển tiếng Việt*. TP HCM: Nxb. Văn hóa Sài Gòn.
15. *Tuyển tập thơ văn Ngô Thị Nhậm*, Quyển 1. 1978. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.